TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 55/2020/QĐST-HNGĐ	*TP. S, ngày 28 tháng 05 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2020 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 239/33/6, đường Tr, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà 239/33/6, đường T, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thật sự tự nguyện ly hôn nên được Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thống nhất xác định có hai người con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19/08/2001 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 30/03/2004. Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 30/03/2004 (phù hợp theo nguyện vọng của cháu Q) cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Văn Q thành niên (đủ 18 tuổi). Đối với cháu Nguyễn Thị Tuyết N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Ngọc T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, sự thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung cháu Nguyễn Văn Q nên được Tòa án chấp nhận.

Bà Trần Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Nguyễn Văn Qmà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N đồng ý mỗi người chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001880 và 0001881 ngày 13/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thống nhất xác định có hai người con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19/08/2001 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 30/03/2004. Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 30/03/2004 (phù hợp theo nguyện vọng của cháu Q) cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Văn Q thành niên (đủ 18 tuổi). Đối với cháu Nguyễn Thị Tuyết N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Ngọc T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Nguyễn Văn Q mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thống nhất xác

định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Văn N thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

+ Bà Trần Ngọc T đồng ý chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001880 ngày 13/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Bà Trần Ngọc T đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn N đồng ý chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001881 ngày 13/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Ông Nguyễn Văn N đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- UBND phường B, thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lệ Hằng